TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-PT.
Ngày: 09 - 01- 2023.
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.
Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Thắng.
Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Nguyễn Văn Chính S, sinh năm 1966.

- Bà Lê Thị B, sinh năm 1948.

Cùng địa chỉ: Đường B, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Văn Chính S và bà Lê Thị B cùng thống nhất trình bày: Vào ngày 09/01/1992, các ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn T1 (đã chết), vợ là Nguyễn Thị Cẩm Đ mỗi người 300m^2 đất tọa lạc tại đường B, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Phần đất này được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thành phố V) cấp cho ông Phan Văn T1 theo Quyết định số: 41/QĐ.UBH.86 ngày 06/5/1986, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn V. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình các ông, bà đã cất nhà ở, sinh hoạt ổn định lâu dài đến nay không có tranh chấp, có nộp tiền đất ở, nhà ở. Sau đó, một phần diện tích đất của các ông bà đang ở nằm trong dự án làm đường B thuộc khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Do diện tích đất của các ông bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng lẻ từng hộ mà còn chung với quyết định cấp đất của ông Phan Văn T1 nên các ông, bà không có tên trong danh sách nhận tiền bồi thường. Đến ngày 18/7/2012, Ủy ban nhân dân phường I, thành phố V kết hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V mời các ông, bà làm việc cùng với bà Nguyễn Thị Cẩm Đ. Tại buổi làm việc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ cho rằng "về mặt pháp lý bà Đ đứng tên 1.500m^2 đất theo quyết định cấp đất cho chồng bà là ông Phan Văn T1, sau này khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong sẽ tự nguyện cho 04 hộ mua đất làm thủ tục chuyển nhượng để tách ra phần đất như đã hứa bán trước đây, thủ tục các hộ tự đi làm, còn hiện nay bà Đ yêu cầu bồi thường dự án đường B với diện tích là 300m^2 đất thổ cư nhưng dự án ảnh hưởng hơn 300m^2, bà Đ sẽ đứng tên để nhận tiền bồi thường, sau khi được nhận tiền bồi thường bà Đ chỉ nhận 300m^2 đất thổ cư, phần tiền còn lại sẽ giao trả lại cho các hộ mua đất". Dự án đến nay đã bồi thường xong, giá đất được bồi thường tổng cộng là 1.000.000 đồng/m^2, bà Đ đã nhận tất cả tiền bồi thường từ nhiều năm trước. Trong đó diện tích đất mà 03 hộ ông, bà bị ảnh hưởng được bồi thường là:

- Ông Phạm Văn T bị quy hoạch diện tích đất 91,4m^2 với số tiền là 91.400.000 đồng.

- Bà Lê Thị B bị quy hoạch diện tích đất 76,2m^2 với số tiền là 76.200.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Chính S bị quy hoạch diện tích đất 63,1m^2 với số tiền là 63.100.000 đồng.

Các ông, bà có đến nhà gặp bà Đ để nhận lại tiền thì bà Đ không đồng ý trả lại theo thỏa thuận trước đây. Nay các ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có trách nhiệm trả lại số tiền bồi thường đất thuộc sở hữu của các ông, bà trong dự án đường B, thuộc khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ trình bày: Bà thừa nhận vào năm 1992, chồng bà là ông Phan Văn T1 (chết năm 1999) có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Văn Chính S, bà Lê Thị B mỗi người 300m^2 đất, loại đất cây lâu năm. Năm 2012 khi quy hoạch bồi thường dự án đường B các bên có thỏa thuận là bà đứng tên nhận tiền bồi thường, phần tiền còn lại trên 300m^2 sẽ giao trả lại cho các nguyên đơn. Thời điểm bồi thường phần đất bị quy hoạch có diện tích hơn 600m^2, số tiền hơn 900.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Bà chỉ đồng ý khi các nguyên đơn chia đều diện tích đất còn lại cho 05 người gồm 03 nguyên đơn, ông Lê Văn P và bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ phải có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn là ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Văn Chính S và bà Lê Thị B số tiền bồi thường, hỗ trợ đất tổng cộng là 230.700.000 (hai trăm ba mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng. Trong đó: Trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền 91.400.000 (chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn) đồng; trả lại cho ông Nguyễn Văn C Sớm số tiền 63.100.000 (sáu mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng; trả lại cho bà Lê Thị B số tiền 76.200.000 (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/09/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm như sau: Cho bà và các nguyên đơn làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ phân chia lại cho các nguyên đơn theo giấy bán đã ký kết, hoàn tất giấy tờ sẽ trả tiền bồi thường làm lộ cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự trình bày*:*

Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Vào ngày 09/01/1992, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Văn Chính S và bà Lê Thị B có nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn T1 (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị Cẩm Đ mỗi người 300m^2 đất tọa lạc tại đường B, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Các nguyên đơn nhận đất cất nhà ở sử dụng ổn định đến nay.

[2] Theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đất cho bà Nguyễn Thị Cẩm Đ để thực hiện dự án: Nâng cấp đường B và Bảng chiết tính kèm theo thì bà Nguyễn Thị Cẩm Đ đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ đất tổng cộng là 629,5m^2, với số tiền là 947.622.500 đồng. Trong diện tích đất bị thu hồi nêu trên có ảnh hưởng đến phần đất của ông Phạm Văn T 91,4m^2 với số tiền là 91.400.000 đồng; ông Nguyễn Văn C Sớm 63,1m^2 với số tiền là 63.100.000 đồng; bà Lê Thị B 76,2m^2 với số tiền là 76.200.000 đồng.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Cẩm Đ thừa nhận có nhận tiền bồi thường đối với các phần đất nêu trên và giữ số tiền đến nay như các

nguyên đơn trình bày. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/12/2022, bà Nguyễn Thị Cẩm Đ tự nguyện trả lại cho các nguyên đơn 50% số tiền mà các nguyên đơn khởi kiện, còn lại 50% số tiền còn lại để làm cơ sở khiếu nại để được cấp nền nhà đối với đối với phần đất được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thành phố V) cấp cho ông Phan Văn T1 theo Quyết định số: 41/QĐ.UBH.86 ngày 06/5/1986, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn V. Về việc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dất cho các nguyên đơn là không đúng nhưng bà Đ không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà có khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền và cũng như bà không có yêu cầu phản tố đối với các nguyên đơn. Cho nên với lý do bà Nguyễn Thị Cẩm Đ yêu cầu giữ số tiền bồi thường đối với các phần đất của các nguyên đơn là không có cơ sở xem xét.

[4] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ phải có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn là ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Văn Chính S và bà Lê Thị B số tiền bồi thường, hỗ trợ đất tổng cộng là 230.700.000 (hai trăm ba mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Cẩm Đ không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ phải có trách nhiệm trả lại cho các nguyên đơn là ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Văn Chính S và bà Lê Thị B số tiền bồi thường, hỗ trợ

đất tổng cộng là 230.700.000 (hai trăm ba mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng. Trong đó: Trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền 91.400.000 (chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn) đồng; trả lại cho ông Nguyễn Văn C Sớm số tiền 63.100.000 (sáu mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng; trả lại cho bà Lê Thị B số tiền 76.200.000 (bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ được miễn án phí. (Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09/01/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Ngân